

Enassel

Enalapril maleat 5 mg



Tài liệu thông tin cho cán bộ y tế

ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP VÀ SUY TIM hiệu quả



THÔNG TIN TÓM TẮT SẢN PHẨM:

THÀNH PHẦN: Enalapril maleat 5 mg. **TRÌNH BÀY:** Hộp 3 vỉ x 10 viên nén - Hộp 10 vỉ x 10 viên nén. **CHỈ ĐỊNH:** Tăng huyết áp. Suy tim. Sau nhồi máu cơ tim (huyết động học đã ổn định). Bệnh thận do đái tháo đường. Suy thận tuần tiến mạn. **LIỀU LƯỢNG - CÁCH DÙNG:** Tăng huyết áp vô căn: Liều khởi đầu từ 2,5-5 mg/ngày uống trước khi ngủ. Liều duy trì thường dùng 2-4 viên uống 1 lần/ngày, tối đa 8 viên/ngày. Nên ngưng thuốc lợi tiểu 1-3 ngày trước khi điều trị bằng Enassel. **Suy tim:** Liều phù hợp trong tuần đầu là 2,5 mg dùng 1 lần/ngày trong 3 ngày đầu, tăng lên 2 lần mỗi ngày trong 4 ngày kế tiếp. Liều duy trì thông thường là 4 viên mỗi ngày, chia làm 2 lần, uống vào buổi sáng và buổi tối. Có thể tăng tới liều 8 viên mỗi ngày trong vài trường hợp hiếm hoi. **Suy chức năng thất trái không triệu chứng:** Bệnh nhân dùng 2,5 mg, uống 2 lần mỗi ngày và tăng dần cho tới liều duy trì 4 viên/ngày. **Bệnh nhân suy giảm chức năng thận:** Cần giảm liều hoặc kéo dài khoảng cách giữa các liều. Khởi đầu với liều 2,5 mg/ngày có sự giám sát y khoa chặt chẽ. Điều chỉnh liều theo huyết áp trong những ngày kế tiếp. **Trẻ em cân nặng 50 kg trở lên:** Liều khởi đầu 1 viên uống 1 lần mỗi ngày. Tăng liều dần tới tối đa 8 viên/ngày. **CHỐNG CHỈ ĐỊNH:** Tiền sử dị ứng hoặc quá mẫn với thuốc. Bệnh nhân bị phù mạch khi mới bắt đầu điều trị, hạ huyết áp từ trước. Hẹp động mạch thận cả hai bên, hẹp van động mạch chủ. **THẬN TRỌNG:** Bệnh nhân bị giảm chức năng thận. Đối với người nghi bị hẹp động mạch thận, cần phải định lượng creatinin huyết trước khi bắt đầu điều trị. **PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ:** **Phụ nữ có thai:** khi dùng thuốc cho phụ nữ mang thai vào 3 tháng giữa và cuối thai kỳ, thuốc có thể gây nguy hiểm thậm chí gây tử vong cho bào thai. Nên ngừng dùng thuốc càng sớm càng tốt sau khi phát hiện có thai. **Phụ nữ cho con bú:** enalapril bài tiết vào sữa mẹ. Tuy vậy, nguy cơ gây hại cho trẻ bú mẹ rất thấp với liều điều trị thông thường. **TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:** Hay gặp (ADR>1/100): Hệ thần kinh: nhức đầu, chóng mặt, mất ngủ, mệt mỏi, dị cảm, loạn cảm. Hệ tiêu hóa: tiêu chảy, buồn nôn, nôn, đau bụng, rối loạn vị giác. Hệ tim mạch: phù mạch, hạ huyết áp nặng, hạ huyết áp tư thế đứng, ngất, đánh trống ngực và đau ngực. Da: phát ban. Khác: suy thận. Ít gặp (1/1000<ADR<1/100): Huyết học: giảm hemoglobin, bạch cầu hạt. Hệ thần kinh trung ương: kích động, trầm cảm nặng. Hiếm gặp (ADR<1/1000): Tiêu hóa: tăng cảm niêm mạc miệng, tắc ruột, viêm gan, tụy. Khác: trầm cảm, nhìn mờ, ngạt mũi, hen. **Xử trí ADR:** ngừng dùng thuốc và báo ngay cho bác sĩ. Tiêm adrenalin dưới da, tiêm tĩnh mạch diphenhydramin HCl hoặc hydrocortison. Theo dõi và đếm bạch cầu ở bệnh nhân suy thận. Khi hạ huyết áp nặng cần truyền tĩnh mạch natriclorid 0,9%. **BẢO QUẢN:** nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng. **HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. **SĐK:** VD-17216-12

ĐỀ THUỐC XA TẦM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Sản xuất tại Công ty ROUSSEL VIỆT NAM - Số 01, đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam
Mọi chi tiết xin liên hệ: Công ty ROUSSEL VIỆT NAM - 702 Trường Sa, P.14, Q.3, Tp HCM - ĐT: (08) 39 31 55 18 - Fax: (08) 39 31 55 20

ROUSSEL VIETNAM

Số giấy tiếp nhận hồ sơ đăng ký tài liệu thông tin thuốc của CQLD-BYT:
Ngày in tài liệu:

www.rousselvietnam.com.vn